ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 3580 /QĐ-UBND	*Bình Định, ngày 15 tháng 10năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh mức trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT Bình Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Quyết định số 2858/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh về việc Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực hoạt động kinh tế nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 và Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt và phê duyệt điều chỉnh mức trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên của Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 349/TTr-SNN ngày 11/10/2024 và ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 3508/STC-TCHCSN ngày 09/10/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh mức trợ giá và dự toán kinh phí thực hiện trợ giá sản phẩm công ích sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí thường xuyên từ năm 2024 cho Trung tâm Giống Nông nghiệp thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT, với số tiền là **5.516.878.000 đồng,** *(Năm tỷ, năm trăm mười sáu triệu, tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) – Chi tiết theo phụ lục đính kèm.*

- Nguồn kinh phí thực hiện:

+ Sử dụng từ nguồn kinh phí đã giao dự toán cho Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 4568/QĐ-UBND ngày 10/12/2023 và Quyết định số 2852/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của UBND tỉnh, với số tiền là: 5.108.037.000 đồng.

+ Phần kinh phí còn lại là 408.841.000 đồng (5.516.878.000 đồng - 5.108.037.000 đồng): giao Sở Tài chính soát xét, tham mưu, đề xuất bố trí nguồn kinh phí thực hiện trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2024 đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

- Lý do điều chỉnh: Thay đổi mức lương cơ sở 6 tháng cuối năm 2024 của đơn vị tại Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh (từ 1.800.000 đồng lên 2.340.000 đồng).

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 2957/QĐ-UBND ngày 09/8/2023 và Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/6/2024 của UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Trung tâm Giống Nông nghiệp và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

PHỤ LỤC

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ ĐIỀU CHỈNH ĐỐI VỚI SẢN PHẨM CÔNG ÍCH NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / 2024 của UBND tỉnh)

TT	Danh mục sản phẩm công ích	Mức trợ giá năm 2024 (đã được phê duyệt tại Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 05/6/2024)			Mức trợ giá năm 2024 điều chỉnh			Tổng kinh phí bổ sung (+/-)	Nguyên nhân điều chỉnh
		Số lượng SP được hỗ trợ/ năm (Con)	*Mức trợ giá/ sản phẩm (đồng/con)*	*Dự toán kinh phí hỗ trợ/năm (đồng)*	*Số lượng SP được hỗ trợ/ năm (Con)*	*Mức trợ giá/ sản phẩm (đồng/con)*	*Dự toán kinh phí hỗ trợ/năm (đồng)*		
A	*B*	*1*	*2*	*3=1x2*	*4*	*5*	*6=4x5*	*7=6-3*	*C*
1	Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Lợn nái	125	19.844.390	2.480.548.750	125	20.727.718	2.590.964.750	110.416.000	1. Tăng mức lương cơ sở: - Tiền lương năm 2024 theo Quyết định số 2000/QĐ-UBND: tính theo mức lương cơ sở: 1.800.000 đồng. - Tiền lương năm 2024 bổ sung tính theo mức lương cơ sở 1.800.000 đồng từ tháng 1-6 tháng và 2.340.000 đồng từ tháng 7-12
2	Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống Lợn đực	20	6.861.222	137.224.440	20	8.692.681	173.853.620	36.629.180	
3	Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá Rô Phi	1.511.874	935	1.413.602.190	1.511.874	1.034	1.563.580.091	149.977.901	
4	Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá Chép	505.440	711	359.367.840	505.440	781	394.748.640	35.380.800	
5	Sản xuất, cung ứng, lưu giữ giống gốc giống cá Koi	12.131	59.129	717.293.899	12.131	65.430	793.731.330	76.437.431	
	Tổng cộng			**5.108.037.119**			**5.516.878.431**	**408.841.312**	
	Làm tròn			**5.108.037.000**			**5.516.878.000**	**408.841.000**	